TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 255/2026/DS-ST
Ngày 22 - 5 - 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kim Thành** và bà **Vũ Thị Lệ Thủy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Ny** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2026/TLST-DS ngày 28.01.2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-DS ngày 16.4.2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1016/2026/QĐST-DS ngày 12.5.2026, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP P**. Địa chỉ: Tòa nhà T, số A T, phường T. Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền là bà Dương Thị Thảo N. Chức vụ: Chuyên viên Thu hồi nợ hiện trường Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Đ - Phòng G. Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số: 03/2025/UQ-CT.HĐQT ngày 04.4.2025 và Giấy ủy quyền số: 1316/2025/UQ-OCB ngày 30.11.2025), có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1986. Số CCCD: 049186014238 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 08.6.2022. Địa chỉ: P.307/4A Khu C Làng C, tổ I, phường S, thành phố Đà Nẵng (phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cũ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30.11.2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP P trình bày:

Ngày 26.6.2023, Ngân hàng TMCP P và bà Võ Thị L đã ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số: 0286/2023/TTD có hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay 33%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Quá trình sử dụng thẻ, bà Võ Thị L đã thanh toán được số tiền 10.507.430 đồng (bao gồm gốc, lãi, phí). Do bà Võ Thị L liên tiếp vi phạm các kỳ trả nợ nên Ngân hàng TMCP P đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 10.10.2024. Mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Võ Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 22.5.2026, bà Võ Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền là 105.360.107 đồng (nợ gốc 49.048.710 đồng, lãi 54.293.192 đồng, phí 2.018.205 đồng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP P1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị L phải thanh toán số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23.5.2026 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng.

Bà Võ Thị L đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi và xin rút yêu cầu thanh toán tiền phí.

Bị đơn bà Võ Thị L đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, tại phiên toà cho đến trước thời điểm nghị án, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu thanh toán tiền phí và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Buộc bà Võ Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày 22.5.2026 là 103.341.902 đồng (nợ gốc 49.048.710 đồng, tiền lãi 54.293.192 đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23.5.2026 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Võ Thị L có nơi cư trú tại P.C Khu C, phường S, thành phố Đà Nẵng (Tổ I, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cũ). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Võ Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[1.3] Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về thanh toán số tiền phí là 2.018.205 đồng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này của TMCP P và có quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân) mà bà Võ Thị L ký với Ngân hàng TMCP P ngày 26.6.2023 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù bà Võ Thị L vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP P cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà bà Võ Thị L ký với Ngân hàng TMCP P với mục đích tiêu dùng có hạn mức 50.000.000 đồng; lãi suất 33%/năm; lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn; thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo Thông báo hàng tháng của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Võ Thị L đã thanh toán được số tiền 10.507.430 đồng (gốc 1.592.501 đồng, lãi 5.857.140

đồng, phí 3.057.789 đồng. Do bà Võ Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP P đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn, kể từ ngày 10.10.2024 là đúng với quy định tại Điều 14, 15 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng OCB dành cho khách hàng cá nhân. Tính đến ngày 22.5.2026, bà Võ Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền là 103.341.902 đồng, trong đó nợ gốc 49.048.710 đồng, tiền lãi là 54.293.192 đồng.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 18, 19 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng OCB dành cho khách hàng cá nhân thì bà Võ Thị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Do đó, buộc bà Võ Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày 22.5.2026 là 103.341.902 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi, kể từ ngày 23.5.2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 26.6.2023.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP P được chấp nhận nên bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 217, 227, 228, 244, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/UBTVQH15 ngày 25.6.2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 và 209 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với số tiền phí sử dụng thẻ là 2.018.205 đồng. Ngân hàng TMCP P có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với bà Võ Thị L.

Xử:

2.1 Buộc bà Võ Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày 22.5.2026 là 103.341.902 đồng, trong đó nợ gốc 49.048.710 đồng, tiền lãi 54.293.192 đồng.

Kể từ ngày 23.5.2026, bà Võ Thị L còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Bên cho vay.

2.2 Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị L phải chịu là 5.167.000 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.232.374 đồng theo Biên lai thu số 0000943 ngày 27.01.2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

2.3 Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Đ;
- THADS thành phố Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 2

TE1220526.TL.QDBA
1251

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Diện